

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐTXD & DVTM PHÚ MỸ
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐTXD & DVTM PHÚ MỸ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHU MY ĐTXD & DVTM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: PHU MY ĐTXD & DVTM ., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109277200

3. Ngày thành lập: 21/07/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 20 Ngách 61/7 phố Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất điện Chi tiết: Điện mặt trời	3511(Chính)
2.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Phân phối điện Truyền tải điện (trừ truyền tải và điều độ hệ thống điện quốc gia)	3512
3.	Xây dựng công trình điện	4221
4.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
5.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	4649
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
7.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
8.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
9.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733

10.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
11.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
12.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
13.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
14.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
15.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
16.	Xây dựng nhà để ở	4101
17.	Xây dựng nhà không để ở	4102
18.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
19.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
20.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
21.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
22.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
23.	Xây dựng công trình thủy	4291
24.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
25.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
26.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
27.	Phá dỡ	4311
28.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
29.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
30.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
31.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
32.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
33.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Dịch vụ thiết kế đô thị; - Hoạt động trang trí nội thất.	7410

34.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; - Thiết kế cơ - điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước công trình; - Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. - Giám sát công tác xây dựng bao gồm: + Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; + Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; + Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình. - Khảo sát xây dựng, bao gồm: Khảo sát địa hình; khảo sát địa chất công trình. - Lập quy hoạch xây dựng. - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, bao gồm: Thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình; thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. - Quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Giám sát thi công xây dựng công trình. - Kiểm định xây dựng. - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng. - Xây dựng đường dây và trạm biến áp lên đến 35kV	7110
35.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Môi giới bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
36.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
37.	Trồng lúa	0111
38.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
39.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113

40.	Trồng cây mía	0114
41.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
42.	Trồng cây lấy sợi	0116
43.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
44.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
45.	Trồng cây hàng năm khác	0119
46.	Trồng cây ăn quả	0121
47.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
48.	Trồng cây điều	0123
49.	Trồng cây hồ tiêu	0124
50.	Trồng cây cao su	0125
51.	Trồng cây cà phê	0126
52.	Trồng cây chè	0127
53.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
54.	Trồng cây lâu năm khác	0129
55.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
56.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
57.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
58.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
59.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
60.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
61.	Chăn nuôi gia cầm	0146
62.	Chăn nuôi khác	0149
63.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
64.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
65.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
66.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
67.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
68.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
69.	Khai thác thủy sản biển	0311
70.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
71.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
72.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
73.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
74.	Bán buôn thực phẩm	4632
75.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620

6. Vốn điều lệ: 15.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 1.500.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN CHỨC	Số 20 ngách 61/7 Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	33,333	027051000129	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	33,333		
2	PHẠM THỊ LOAN	Phòng 5 nhà DV DL2, ngách 28/4, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	33,333	001166011653	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	33,333		

3	NGUYỄN CÔNG DŨNG	55B, tổ 25 cụm 5, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	33,334	0080760000 41
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	33,334	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN CÔNG DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/06/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 008076000041

Ngày cấp: 13/07/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 55B, tổ 25 cụm 5, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 55B, tổ 25 cụm 5, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội